

DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN
THUỘC CHẾ ĐỘ HỖ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 THEO NĐ 66/2025/NĐ-CP
Học kỳ I năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Quan Triều)

ĐVT: đồng

TT		Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Học sinh lớp	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/học kỳ	Tiền ở được hỗ trợ/học kỳ	Tổng gạo được hỗ trợ/học kỳ(kg)	Tổng nhu cầu kinh phí HK I năm học 2025-2026
		TỔNG HỢP					135		67.896.000	25.560.000	1.065	105.624.000
I		CẤP MẦM NON					-	4	1.440.000	-	-	1.440.000
	1	MN Quan Triều	25/3/2024	Nhà trẻ 2-3 tuổi A4a	360.000			4	1.440.000	-		1.440.000
	2	MN xã Sơn Cẩm	17/7/2021		360.000			9	3.240.000			3.240.000
II		CẤP TIỂU HỌC					45		15.912.000	6.120.000	255	34.200.000
1		TH Hoàng Văn Thụ					30		7.488.000	2.880.000	120	10.368.000
	1	Triệu Hải Đăng	8/6/2019	1B	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	5.184.000
	2	Đinh Khắc Hải Sơn	12/16/2019	1B	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	5.184.000
2		TH Sơn Cẩm 1										12.168.000
	1	Nguyễn Minh Khang	19/06/2018	2A	936.000		15	9	8.424.000	-	135	8.424.000
	2	Kim Thanh Bình	14/06/2016	3B	936.000		15	4	3.744.000	-	60	3.744.000
		TH& THCS Sơn Cẩm 2					15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
		Nguyễn Duy Vỹ	8/16/2016		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
III		CẤP THCS					90		50.544.000	19.440.000	810	69.984.000
1		THCS Hoàng Văn Thụ					30	18	16.848.000	6.480.000	270	23.328.000
	1	Trần Huyền Trang	4/20/2011	9A2	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
	2	Đàm Trường Giang	6/25/2012	8A4	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
2		THCS Sơn Cẩm 1					45	27	25.272.000	9.720.000	405	34.992.000
	1	Nguyễn Quỳnh Chi	12/8/2013	7A3	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
	2	Nguyễn Xuân Bắc	10/4/2012	8A3	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
	3	Trịnh Bảo Ngọc	29/07/2012'	8A6	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
3		TH&THCS Sơn Cẩm 2					15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000
	1	Nguyễn Thị Minh Khuê	7/28/2013		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	11.664.000